

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2020/DSST**
Ngày: 13/5/2020
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Xuân và bà Trần Thị Phương Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Giang - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 209/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vợ chồng ông Võ Đôn C- sinh năm 1969, bà Huỳnh Thị G – sinh năm 1971;

Trú tại: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Có mặt.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Dương Văn N - sinh năm 1969, bà Cao Thị Đ- sinh năm 1968;

Trú tại: Khu phố V, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/01/2020 và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn vợ chồng ông Võ Đôn C, bà Huỳnh Thị G trình bày: Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 06/3/2019 (âm lịch), tức ngày 10/4/2019 (dương lịch), vợ chồng ông C, bà G có cho vợ chồng ông Dương Văn N, bà Cao Thị Đ mượn số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) để mua ghe máy làm ăn. Bà Đào viết giấy mượn tiền và ông Nhớ, bà Đào cùng ký tên trong giấy mượn tiền. Giấy mượn tiền không ghi lãi suất nhưng thực chất hai bên thỏa thuận lãi suất miệng là 2%/tháng và thời hạn trả nợ là 03 tháng. Từ lúc mượn đến nay vợ chồng ông N, bà Đ chỉ trả có 1 tháng tiền lãi là 10.000.000đ thì không trả nữa. Nay đã quá hạn trả nợ, vợ chồng ông C, bà G đã nhiều lần đến yêu cầu vợ chồng ông N, bà Đ trả nợ nhưng vợ chồng ông N, bà Đ không trả tiền theo thỏa thuận. Nên vợ

chồng ông C, bà G khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N, bà Đ phải trả số tiền gốc còn nợ là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và trả tiền lãi đối với số nợ gốc 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) theo quy định của pháp luật từ ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 02/12/2019) đến ngày xét xử xong vụ án.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2020, bị đơn vợ chồng ông Dương Văn N, bà Cao Thị Đ trình bày được tóm tắt như sau: Ngày 06/3/2019 (âm lịch), tức ngày 10/4/2019 (dương lịch), vợ chồng ông N, bà Đ có vay của vợ chồng ông Võ Đôn C, bà Huỳnh Thị G số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng, thời hạn trả nợ là 3 tháng. Mục đích vay tiền là để mua ghe, nuôi tôm. Nhưng do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng ông N, bà Đ không có tiền để trả cho vợ chồng ông C, bà G. Nay vợ chồng ông C, bà G khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N, bà Đ phải trả số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) thì vợ chồng ông N, bà Đ đồng ý trả nợ. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên không thể trả nợ một lần, chờ khi nào bán được nhà sẽ trả nợ và xin không phải trả lãi.

Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu đã tiến hành hòa giải và công khai việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng do bị đơn vắng mặt nên không tiến hành được

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến trình bày trước đây đối với số tiền gốc; về số tiền lãi, nguyên đơn trình bày bị đơn mới chỉ trả cho nguyên đơn 01 tháng tiền lãi là 10.000.000đ, sau đó không trả nữa. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 02/12/2019 đến ngày Tòa xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466, điều 468 Bộ luật dân sự, Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã mượn là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải, đưa vụ án ra xét xử; bị đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền đã mượn theo giấy mượn tiền. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại thị xã S, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn: Theo giấy mượn tiền ngày 06/3/2019 (âm lịch) và lời trình bày của nguyên đơn, lời khai của bị đơn, có cơ sở xác định ngày 06/3/2019 (âm lịch), tức ngày 10/4/2019 (dương lịch), bị đơn vợ chồng ông Dương Văn N, bà Cao Thị Đ có vay của nguyên đơn vợ chồng ông Võ Đôn C, bà Huỳnh Thị G số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), hẹn thời hạn trả nợ là 03 tháng.

Vợ chồng ông Dương Văn N, bà Cao Thị Đ đều thừa nhận nợ nên xác định số nợ vay 500.000.000đ của vợ chồng ông Võ Đôn C, bà Huỳnh Thị G là nợ chung của vợ chồng N, Đ.

Khi đến hạn trả nợ, nguyên đơn ông C, bà G đã nhiều lần yêu cầu bị đơn ông N, bà Đ trả nợ nhưng bị đơn không trả nợ đúng cam kết là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào giấy mượn tiền và sự thừa nhận của các bên đương sự được xem là chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng)

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật của nguyên đơn: Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày giữa các đương sự có thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng, bị đơn đã trả được 01 tháng tiền lãi là 10.000.000 đồng sau đó không trả nữa; nguyên đơn không yêu cầu Tòa xem xét số tiền lãi bị đơn đã trả và yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi của khoản tiền 500.000.000 đồng theo quy định pháp luật từ ngày 02/12/2019 cho đến ngày Tòa xét xử. Xét thấy việc nguyên đơn trình bày giữa các đương sự có thỏa thuận miệng việc trả lãi nhưng mức lãi suất 2%/tháng là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Tuy nhiên, bị đơn vay tiền vào ngày 06/3/2019 (âm lịch), tức ngày 10/4/2019 (dương lịch), từ đó đến nay chỉ trả được tổng số lãi là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Như vậy số tiền lãi bị đơn đã trả nói trên chưa vượt quá mức quy định, mặc khác nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả lãi của khoản tiền 500.000.000 đồng theo quy định pháp luật từ ngày 02/12/2019 đến ngày Tòa xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự. Do các bên không thống nhất về mức lãi suất thỏa thuận (nguyên đơn khai lãi suất thỏa thuận 2%; bị đơn khai lãi suất thỏa thuận 3%) nên căn cứ khoản 2 Điều 468 BLDS Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền lãi như sau: Từ ngày 02/12/2019 đến ngày xét xử là 05 tháng 11 ngày x 10%/năm x 500.000.000 đồng = 22.271.663 đồng.

Như vậy, bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 22.271.663 đồng, tổng cộng là: 522.271.663đ (Năm trăm hai mươi hai triệu, hai trăm bảy mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi ba đồng).

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí của số tiền phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là 20.000.000 đồng + (122.271.663đ x 4%) = 24.890.866 đồng;

Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vợ chồng ông Võ Đôn C, bà Huỳnh Thị G.

1. Buộc bị đơn vợ chồng ông Dương Văn N, bà Cao Thị Đ phải trả cho nguyên đơn vợ chồng ông Võ Đôn C, bà Huỳnh Thị G số tiền gốc đã mượn 500.000.000đ và tiền lãi là 22.271.663đ, tổng cộng là 522.271.663đ (*Năm trăm hai mươi hai triệu, hai trăm bảy mươi mốt nghìn, sáu trăm sáu mươi ba đồng*).;

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền còn phải thi hành án.

2. Về án phí:

- Vợ chồng ông Dương Văn N, bà Cao Thị Đ phải chịu 24.890.866đ (*Hai mươi bốn triệu, tám trăm chín mươi nghìn, tám trăm sáu mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Võ Đôn C, bà Huỳnh Thị G số tiền 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000454 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu (2);
- Chi cục THADS thị xã S;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền

